

Số: 102 /SYT-NVY

Kiên Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2018

V/v báo cáo công tác kiểm soát
nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám
bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

- Giám đốc các bệnh viện trong tỉnh;
 - Giám đốc trung tâm y tế có giường bệnh.
- (sau đây gọi chung là thủ trưởng các đơn vị)

Thực hiện Công văn số 73/KCB-ĐD ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Cục Quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế về việc báo cáo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Giám đốc Sở Y tế yêu cầu thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo báo cáo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn theo mẫu (đính kèm).

Văn bản báo cáo của các đơn vị gửi về Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế trước ngày 03/02/2018 để Sở Y tế tổng hợp báo cáo Bộ Y tế.

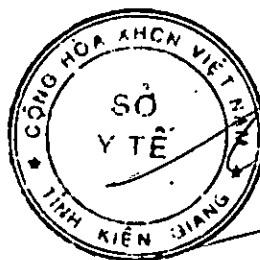
Lưu ý: Mỗi đơn vị gửi 02 bản báo cáo.

Nhận được Công văn yêu cầu thủ trưởng các đơn vị khẩn trương chỉ đạo thực hiện, mọi thông tin chi tiết xin liên hệ CN. Nguyễn Thanh Phong, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, số điện thoại: 0919.924.927././

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, ntphong (02b).

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Văn Phúc

Cơ quan quản lý:

TÊN ĐƠN VỊ:

.....
.....

PHIẾU KHẢO SÁT CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN

(Kèm theo Công văn số: /KCB-ĐD ngày /01/2018)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên bệnh viện:		
2. Địa chỉ:		
4. Tổng số giường kế hoạch/Tổng số giường bệnh thực kê:	Kế hoạch:	Thực kê:	3. Tuyến/loại bệnh viện:
5. Tổng số khoa:	Lâm sàng:	CLS:
6. Người làm báo cáo:	Email:	Điện thoại:

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

I. Tổ chức chương trình KSNK

Stt	Nội dung đánh giá	Chưa thực hiện/không đáng kể	Thực hiện không đầy đủ	Thực hiện tốt
1.	Lãnh đạo, quản lý công tác KSNK:	<i>Ghi 0, 1 hoặc 2 vào các ô tương ứng</i>		
1.1	Xây dựng và ban hành kế hoạch hành động triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về KSNK 2016-20120	0 điểm	1 điểm	2 điểm
1.2	Lập kế hoạch năm về KSNK và có tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện định kì tối thiểu 2 lần/năm			
1.3	Hội đồng KSNK hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ như quy định tại Điều 16 thông tư 18/2009/TT-			
1.4	Có đủ các vị trí Lãnh đạo Khoa (Trưởng khoa, phó trưởng khoa, điều dưỡng trưởng khoa) theo quy định			
1.5	Lãnh đạo Khoa/Tổ KSNK có trình độ tối thiểu đại học chuyên ngành y, dược và được đào tạo về KSNK ít nhất 3 tháng và có chứng chỉ			
1.7	Trưởng khoa kiểm soát nhiễm khuẩn làm việc chuyên trách			
1.8	Có quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn của Lãnh đạo Khoa/Tổ và điều dưỡng trưởng khoa KSNK			
1.9	Triển khai thực hiện các hoạt động theo đúng mục tiêu của Kế hoạch hành động và Kế hoạch năm về KSNK.			
1.10	Có qui định nhiệm vụ/xây dựng mô tả công việc của các nhân viên khoa KSNK			
1.11	Có ngân sách đảm bảo cho các hoạt động cần thiết của công tác KSNK			
2.	Phạm vi KSNK bao gồm:	<i>Ghi 0 điểm, 1 điểm, 2 điểm</i>		
2.1	Giám sát NKBV có hoặc không liên quan tới việc sử dụng các dụng cụ (máy thở, sonde tiêu, đường truyền trung tâm) hoặc các thủ thuật trong CSYT	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Thực hiện giám sát dịch NKBV do lây truyền trong CSYT			
2.3	Thực hiện GS NKBV lây truyền từ ngoài cộng đồng sang người bệnh trong CSYT			
2.4	Phát hiện sớm và kiểm soát kịp thời dịch NKBV			

2.5	Phối hợp kiểm soát các bệnh nhiễm trùng và gây dịch mắc phải ở cộng đồng			
2.6	Phòng ngừa sự xuất hiện kháng thuốc và/hoặc lây truyền những vi sinh vật kháng thuốc			
2.7	Giám sát môi trường			
3.	Chức năng của chương trình KSNK			
3.1	Thực hiện giám sát NKBV	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.2	Duy trì kỹ thuật vô khuẩn hiệu quả đối với các thực hành chăm sóc tại CSYT			
3.3	Cập nhật các hướng dẫn quốc gia và xây dựng qui định, quy trình phù hợp với CSYT			
3.4	Thực hiện kiểm soát dịch			
3.5	Tổ chức các hoạt động đào tạo NVYT về KSNK			
a	<i>Quản lý khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ y tế</i>			
b	<i>Quản lý và xử lý đồ vải y tế</i>			
c	<i>Cách ly phòng ngừa</i>			
d	<i>Giám sát tuân thủ thực hành Kiểm soát nhiễm khuẩn</i>			
e	<i>Quản lý môi trường bệnh viện</i>			
3.6	Đề xuất và thực hiện mua sắm và cung cấp thiết bị cho hoạt động KSNK			
3.7	Đánh giá việc tuân thủ thực hành các quy trình kỹ thuật liên quan đến KSNK			
3.8	Cử cán bộ tham gia công tác chỉ đạo tuyên về KSNK			
3.9	Hàng năm có thực hiện các nghiên cứu khoa học về KSNK			
4.	Vai trò/sự tham gia của KSNK trong các chương trình khác ở các CSYT			
4.1	Tham gia Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện	0 điểm	1 điểm	2 điểm
4.2	Dự phòng kháng kháng sinh			
4.3	Chương trình lao			
4.4	Chương trình HIV			
4.5	Chương trình tiêm chủng			
4.6	Dịch vụ xét nghiệm			
4.7	Khám sức khỏe nghề nghiệp/sức khỏe cho người lao động			
4.8	Chất lượng chăm sóc			
4.9	An toàn người bệnh			
4.10	Kiểm soát chất thải và các dịch vụ môi trường			
4.11	Quyền của người bệnh			
5.	Đối phó với những tình huống khẩn cấp ở cộng đồng			
5.1	Có xây dựng kế hoạch đáp ứng và đối phó khẩn cấp	0 điểm	1 điểm	2 điểm
5.2	Chương trình được liên quan tới việc điều phối đáp ứng với tình huống khẩn cấp về y tế công đồng do các bệnh truyền nhiễm gây ra			
II.	Hướng dẫn chuyên môn			
1.	Triển khai và điều chỉnh hướng dẫn quốc gia phù hợp với tuyến cơ sở	0 điểm	1 điểm	2 điểm

1.1	CSYT có hướng dẫn phòng và kiểm soát các nhiễm khuẩn liên quan tới điều trị và chăm sóc			
1.2	Các hướng dẫn của CSYT phù hợp với các hướng dẫn quốc gia (như QĐ 3671/QĐ-BYT, 3916/QĐ-BYT)			
1.3	Các hướng dẫn được điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn			
2.	Bộ hướng dẫn cơ bản được xây dựng và phổ biến bao gồm:			
2.1	Vệ sinh tay	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Phòng ngừa chuẩn			
2.3	Viêm phổi thở máy			
2.4	Khử khuẩn và tiệt khuẩn trang thiết bị y tế			
2.5	Phòng và kiểm soát tai nạn do các dụng cụ sắc nhọn			
2.6	Quản lý chất thải và làm sạch môi trường			
2.7	Phát hiện bệnh sớm và dự phòng cách ly			
2.9	Phòng ngừa qua đường lây truyền			
2.10	Tiêm an toàn			
2.11	Phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu liên quan đến đặt ống thông tiểu			
2.12	Phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết liên quan đến đặt catheter tĩnh mạch trung tâm			
2.13	Kỹ thuật vô khuẩn và quản lý thiết bị: Các thủ thuật xâm lấn khác.			
2.14	Các quy trình/quy định về KSNK được phê duyệt và sẵn có ở các khoa lâm sàng dưới nhiều hình thức (bảng in, poster hướng dẫn).			
3	Sử dụng kháng sinh thận trọng			
3.1	Phác đồ sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.2	Phác đồ sử dụng kháng sinh đối với những hội chứng nhiễm trùng chủ yếu			
3.3	Có qui định đối với các kháng sinh hạn chế sử dụng			
4	Sức khỏe nghề nghiệp			
4.1	Có bộ hướng dẫn sức khỏe nghề nghiệp	0 điểm	1 điểm	2 điểm
5	An toàn sinh học			
5.1	Có bộ hướng dẫn an toàn sinh học ở labo lâm sàng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế			
III.	Nguồn nhân lực			
1.	Đào tạo về KSNK cho tất cả các NVYT			
1.1	Đào tạo ban đầu về KSNK cho các nhân viên y tế mới tuyển dụng	0 điểm	1 điểm	2 điểm
1.2	Tổ chức đào tạo định kỳ các nội dung cơ bản về KSNK cho nhân viên y tế			
1.3	Thường xuyên tổ chức đào tạo chuyên sâu về KSNK cho nhóm chuyên trách (giám sát, khử khuẩn-tiệt khuẩn)			
1.4	Có chương trình, tài liệu đào tạo KSNK áp dụng cho bệnh viện			
2.	Nhân viên nhóm chuyên trách KSNK			
2.1	Có ít nhất 1 nhân viên giám sát chuyên trách được đào tạo về KSNK cho 150 giường bệnh.	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Có tối thiểu 1 nhân viên giám sát chuyên trách có chứng chỉ về KSNK			
2.3	Có thành viên mạng lưới GSNK bệnh viện ở:			

a	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn			
b	Khoa Hồi sức tích cực			
c	Khoa Hồi sức chống độc			
d	Các khoa hệ ngoại/sản			
e	Khoa nhi/sơ sinh			
f	Khoa vi sinh/XN			
g	Khoa khác (ghi rõ):			
3.	Nguy cơ sinh học			
3.2	Đào tạo cho NVYT, người bệnh và khách tới thăm để phòng tránh phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.3	Có triển khai hệ thống phòng tránh tai nạn do vật sắc nhọn hoặc phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể			
3.4	Tăng cường giám sát và xử trí (vd. Dự phòng, điều trị) các tai nạn do vật sắc nhọn ở NVYT			
3.5	Triển khai hệ thống phát hiện nhanh, cách ly và xử trí các trường hợp nhiễm lao			
3.6	Đào tạo cho NVYT các biện pháp phòng chống lao, dự phòng nhiễm lao đa kháng thuốc			
3.7	Tổ chức thực hiện giám sát và quản lý những trường hợp có thể nhiễm lao ở NVYT			
3.8	Có qui định các trường hợp phơi nhiễm với các tác nhân gây bệnh như một nguy cơ sinh học đối với NVYT			
3.9	Thiết lập và duy trì lồng ghép với các hoạt động và công tác sức khỏe nghề nghiệp			
IV.	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện và đánh giá sự tuân thủ			
1.	Quy trình giám sát			
1.1	Chương trình Kiểm soát nhiễm khuẩn đề cập đến thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và các quy trình KSNK ở CSYT	0 điểm	1 điểm	2 điểm
1.2	Bệnh viện có phân công nhân viên chuyên trách giám sát NKBV			
1.3	Xây dựng kế hoạch/chương trình giám sát NKBV trên một số khoa/ đối tượng có nguy cơ cao.			
1.4	Các mục tiêu giám sát của đơn vị được xác định và phù hợp với mục tiêu quốc gia			
1.5	Các ưu tiên giám sát NKBV được xác định theo phạm vi chuyên môn của cơ sở			
1.6	Những thông tin cơ bản của bệnh án được sử dụng cho mục đích giám sát NKBV			
1.7	Triển khai giám sát, áp dụng các phương pháp giám sát và định nghĩa ca bệnh theo chuẩn hóa trên toàn quốc			
1.8	Thực hiện giám sát khoa/người bệnh trọng điểm/các đối tượng có nguy cơ nhiễm khuẩn cao			
1.9	Thực hiện giám sát chủ động, liên tục tối thiểu 4 loại NKBV thường gặp tại các khoa trọng điểm, nhóm người bệnh trọng điểm/các đối tượng có nguy cơ nhiễm khuẩn cao			
1.10	Có sổ liệu, danh sách NKBV và theo dõi xu hướng NKBV tại bệnh viện và các khoa			
1.11	Báo cáo NKBV và các hoạt động KSNK cho các bên liên quan và các cơ quan y tế theo quy định hiện hành			
1.12	Chương trình KSNK phát hiện các vụ dịch trong BV và điều phối các hoạt động phòng chống các vụ dịch đó			
2.	Đánh giá thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn			
2.1	Có qui định về các ưu tiên thực hành KSNK được được giám sát	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Thực hiện giám sát tuân thủ phòng ngừa NKBV tại khoa/người bệnh trọng điểm/các đối tượng có nguy cơ nhiễm khuẩn cao như người bệnh có phẫu thuật hoặc có thủ thuật xâm lấn như can thiệp đường thở; đặt			

2.3	Có số liệu tuân thủ thực hành KSNK và theo dõi xu hướng tuân thủ các qui trình KSNK đã ban hành trong các khoa trọng điểm			
2.4	Có báo cáo định kỳ mỗi tháng cho lãnh đạo bệnh viện/phản hồi cho các khoa phòng kết quả giám sát tuân thủ thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn; có đề xuất-thực hiện can thiệp			
2.4	Có ban hành các hướng dẫn/công cụ/bảng kiểm giám sát các kỹ thuật liên quan đến phòng ngừa kiểm soát n	0 điểm	1 điểm	2 điểm
a	Giám sát thực hành vệ sinh tay			
b	Giám sát vệ sinh môi trường			
c	Giám sát qui trình xử lý, vô khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ			
d	Giám sát qui trình đặt, chăm sóc thông tiểu			
e	Giám sát qui trình xử lý đồ vải			
f	Giám sát xử lý chất thải bệnh viện các loại			
g	Giám sát các qui trình kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh			
h	Khác (ghi rõ):			
Các câu hỏi bổ sung (không bao gồm trong tính điểm nói trên)*				
A	Mục đích giám sát được xác định :	0 điểm	1 điểm	2 điểm
a	Mô tả thực trạng KSNK (ví dụ tỷ lệ mắc mới hoặc hiện mắc, loại NK, nguyên nhân gây bệnh, mức độ nặng, gánh nặng bệnh tật)			
b	Xác định quần thể nguy cơ cao, quy trình và phơi nhiễm			
c	Phát hiện sớm các vụ dịch			
d	Đánh giá tác động của can thiệp			
B	NKBV được chọn cho mục đích giám sát bao gồm:	0 điểm	1 điểm	2 điểm
a	Các nhiễm khuẩn có thể gây dịch ở CSYT			
b	Nhiễm khuẩn ở quần thể dễ bị tổn thương (VD. trẻ sơ sinh, bệnh nhân bỏng, bệnh nhân HSTC, người bị suy giảm miễn dịch)			
c	Các nhiễm trùng có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng			
d	Các nhiễm trùng có thể gây ra những tác nhân đa kháng thuốc			
e	Các nhiễm trùng liên quan tới các dụng cụ xâm lấn hoặc thủ thuật xâm lấn (VD. Các dụng cụ trong lòng mạch, phẫu thuật v.v)			
f	Các nhiễm trùng có thể ảnh hưởng tới NVYT ở các khoa lâm sàng, phòng xét nghiệm và các khoa/phòng khác			
g	Giám sát tổng thể được triển khai bao gồm tất cả các NKBV			
C	Phương pháp giám sát	0 điểm	1 điểm	2 điểm
a	Nghiên cứu tỷ lệ hiện mắc			
b	Nghiên cứu tỷ lệ mắc mới: Giám sát theo định hướng vị trí			
c	Nghiên cứu tỷ lệ mắc mới: Giám sát theo định hướng khoa phòng			
d	Nghiên cứu tỷ lệ mắc mới: Giám sát theo định hướng ưu tiên			
e	Giám sát thụ động			

3.	Tiêu chí chẩn đoán các nhiễm khuẩn bệnh viện			
3.1	Có ban hành tiêu chí chẩn đoán các nhiễm khuẩn bệnh viện, nếu có, là các tiêu chí:	0 điểm	1 điểm	2 điểm
a	Tiêu chí chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter lòng mạch			
b	Tiêu chí chẩn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu liên quan đến đặt sonde tiểu			
c	Tiêu chí chẩn đoán nhiễm khuẩn hô hấp liên quan đến thở máy			
d	Tiêu chí chẩn đoán nhiễm khuẩn vết mổ			
e	Tiêu chí chẩn đoán nhiễm khuẩn tiêu hóa			
f	Khác (ghi rõ) :			
V.	Hỗ trợ phòng xét nghiệm vi sinh			
1.	Các dịch vụ xét nghiệm vi sinh sẵn có			
1.1	Cơ sở khám chữa bệnh có phòng xét nghiệm vi sinh có chất lượng đảm bảo theo các tiêu chí đánh giá chất lượng phòng xét nghiệm của Bộ Y tế.	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.	Mối quan hệ giữa KSNK và phòng XN Vi sinh			
2.1	Chương trình KSNK kết nối các hoạt động CNK với các hoạt động ở phòng XN Vi sinh	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Số liệu vi sinh được sử dụng cho mục đích giám sát và hoạt động CNK			
3.	An toàn sinh học			
3.1	Triển khai các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực hành và an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm theo qui định của Bộ Y tế tại Thông tư số 25/2012/TT-BYT	0 điểm	1 điểm	2 điểm
VI.	Môi trường			
1.	Vệ sinh môi trường			
1.1	Xây dựng lịch và quy trình vệ sinh môi trường phù hợp cho từng khu vực theo quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế	0 điểm	1 điểm	2 điểm
1.2	Tổ chức diệt chuột, diệt côn trùng định kỳ theo quy định đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.			
1.3	Có xây dựng bộ quy trình hướng dẫn VSMT cho toàn bệnh viện, đặc biệt cho các khu vực có nguy cơ cao như: phòng mổ, khoa HSTC, truyền nhiễm, buồng cách ly, khoa sơ sinh, phòng sanh, buồng thủ thuật ,....			
2.	Nước sạch để sử dụng			
2.1	Có sẵn nước sạch đảm bảo theo tiêu chuẩn về nước sinh hoạt để sử dụng	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Thiết bị lưu giữ, cấp phát, sử dụng nước được làm sạch, khử khuẩn, bảo trì định kỳ.			
2.3	Luôn đảm bảo cấp đủ nước cho các hoạt động chăm sóc, điều trị và sinh hoạt của nhân viên y tế, người nhà.			
2.4	Có hệ thống lưu giữ nước dự phòng để sử dụng khi mất nước			
2.5	Hệ thống xử lý nước thải thiết kế phù hợp, đáp ứng đủ công suất để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong BV và đạt tiêu chuẩn quốc gia (mức B).			
3.	Vệ sinh tay			
3.1	Có kế hoạch thực hiện tăng cường VST được triển khai tại BV.	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.2	Có sẵn phương tiện vệ sinh tay (vòi nước, dung dịch rửa tay, xà phòng...) ở các khu vực điều trị, chăm sóc bệnh nhân, các phòng/buồng có thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật.			

3.3	100% đầu giường buồng cấp cứu các khoa lâm sàng, khoa Hồi sức tích cực, buồng cách ly NB nặng luôn có sẵn dung dịch sát khuẩn tay nhanh.			
3.4	Đã xây dựng các công cụ, bảng kiểm và thực hiện giám sát việc tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế hàng năm.			
3.5	Triển khai giám sát tuân thủ vệ sinh tay tối thiểu 6 tháng/lần ở các khoa phòng có nguy cơ cao và tổng kết báo cáo tuân thủ vệ sinh tay.			
3.6	Sẵn có dung dịch VST chứa cồn ở mọi bàn/buồng tiêm, bàn khám và buồng thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật			
3.7	Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của NVYT từ 50% trở lên ở các khoa nguy cơ cao (ICU, Ngoại, Cấp cứu,...).			
4.	Thông gió môi trường			
4.1	Có hệ thống thông gió môi trường thường xuyên ở khu vực chăm sóc bệnh nhân	0 điểm	1 điểm	2 điểm
4.2	Hệ thống thông gió ở cơ sở y tế được duy trì thường xuyên			
5.	Yêu cầu đối với việc sắp xếp bệnh nhân ở cơ sở y tế			
5.1	Có quy định về việc bố trí người bệnh trong dự phòng cách ly ở các khoa theo qui định của Bộ Y tế, có biển cảnh báo phù hợp, đầy đủ	0 điểm	1 điểm	2 điểm
5.2	Tổ chức cách ly theo nhóm hoặc theo khu vực hợp lý			
5.3	Có qui định về bố trí người bệnh và dòng lưu chuyển người bệnh ở cơ sở y tế			
6.	Yêu cầu vệ sinh ở cơ sở y tế			
6.1	Qui định về vệ sinh cơ sở y tế được triển khai theo hướng dẫn quốc gia	0 điểm	1 điểm	2 điểm
6.2	Các nhân viên tham gia vào vệ sinh cơ sở y tế được đào tạo thường xuyên			
6.3	Tổ chức đào tạo về hành vi vệ sinh cho các nhân của cơ sở y tế			
6.4	Ánh sáng, chiếu sáng ở cơ sở y tế đảm bảo đúng qui định theo Thông tư 18 /2013/TT-BYT			
7.	Quản lý chất thải y tế			
7.1	Thực hiện phân loại chất thải đúng quy định	0 điểm	1 điểm	2 điểm
7.2	Thực hiện vận chuyển chất thải theo đúng quy định			
7.3	Xử lý rác thải y tế theo đúng quy định			
7.4	Thường xuyên tổ chức đào tạo cho nhân viên liên quan tới việc quản lý chất thải y tế			
7.5	Hệ thống xử lý nước thải có đạt chuẩn A và thường xuyên định kỳ được đánh giá bởi đơn vị môi trường			
8.	Vệ sinh đối với người bệnh và người nhà người bệnh			
8.1	Có quần áo bệnh viện cho người nhà NB và khách thăm	0 điểm	1 điểm	2 điểm
8.2	NB được vệ sinh trước phẫu thuật theo hướng dẫn, quy trình kĩ thuật của Bộ y tế			
9.	Vệ sinh an toàn thực phẩm			
9.1	Khoa (tổ) kiểm soát nhiễm khuẩn giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm tại nơi ăn, uống, chế biến thực phẩm trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	0 điểm	1 điểm	2 điểm
9.2	Cơ sở trực tiếp chế biến và phân phối thức ăn, nước uống trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm			
9.3	Người trực tiếp chế biến và phân phối thức ăn, nước uống trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được kiểm tra sức khoẻ định kỳ và thực hiện đúng quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm			

10.	Quản lý và sử dụng đồ vải			
10.1	Thực hiện đúng quy chế trang phục y tế cho người bệnh, người nhà và nhân viên y tế	0 điểm	1 điểm	2 điểm
10.2	Có lịch thay đồ vải và thực hiện việc thay đồ vải cho người bệnh hàng ngày và khi cần			
10.3	Mỗi khoa lâm sàng có 1 buồng thu gom đồ vải, dụng cụ nhiễm khuẩn			
10.4	Đồ vải của người bệnh và NVYT được giặt tập trung.			
10.5	Trang bị xe đẩy và thùng vận chuyển riêng để nhận đồ vải bẩn và chuyển đồ vải sạch đến các khoa, phòng.			
11.	Các yêu cầu vệ sinh khác			
11.1	Các điều kiện bảo quản vật tư được đảm bảo và duy trì (ví dụ khô, nhiệt độ phù hợp, không bụi).	0 điểm	1 điểm	2 điểm
12.2	Có các biện pháp phòng ngừa trong quá trình xây dựng và cải tạo để tránh các biến chứng lây nhiễm			
13.3	Bảo quản, ướp, mai táng, di chuyển thi hài phải thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 về Hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng			
13.4	Có đủ nhà vệ sinh cho người bệnh (nhà vệ sinh nam, nữ và cho người tàn tật)			
VII.	Giám sát và đánh giá			
1.	Báo cáo thường xuyên			
1.1	CSYT thường xuyên báo cáo về tình hình các mục tiêu, kế hoạch của đơn vị và tác động của hoạt động KSNK.	0 điểm	1 điểm	2 điểm
1.2	Thực hiện các báo cáo kết quả giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện			
1.3	Báo cáo kết quả được chia sẻ với các bộ phận liên quan? Nếu có, được chia sẻ tới:			
	- Lãnh đạo bệnh viện			
	- Hội đồng thuốc và điều trị			
	- Các khoa lâm sàng/cận lâm sàng			
2.	Hoạt động giám sát đánh giá			
2.1	CSYT thường xuyên giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy định, hoạt động và các can thiệp	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Thường xuyên giám sát và đánh giá việc tuân thủ đối với thực hành lâm sàng liên quan đến KSNK			
2.3	Thực hiện giám sát các nhiễm trùng bệnh viện thường gặp, cụ thể:			
<i>a</i>	<i>Giám sát nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter lòng mạch</i>	0 điểm	1 điểm	2 điểm
	- Giám sát dọc:			
	- Giám sát ngang:			
<i>b</i>	<i>Giám sát nhiễm khuẩn tiết niệu liên quan đến đặt sonde tiểu</i>			
	- Giám sát dọc:			
	- Giám sát ngang:			
<i>c</i>	<i>Giám sát nhiễm khuẩn hô hấp liên quan đến thở máy</i>			
	- Giám sát dọc:			
	- Giám sát ngang:			
<i>d</i>	<i>Giám sát nhiễm khuẩn vết mổ</i>			
	- Giám sát dọc:			
	- Giám sát ngang:			

e	Giám sát nhiễm khuẩn tiêu hóa			
	- Giám sát dọc:			
	- Giám sát ngang:			
f	Khác (ghi rõ) :			
3.	Văn hóa không khiển trách/phê bình/phạt			
3.1	Công tác đánh giá việc triển khai các chương trình KSNK của đơn vị được thực hiện trong văn hóa không khiển trách/phê bình/phạt	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.2	Có kế hoạch, hoạt động vận động thay đổi nhận thức, hành vi của cá nhân về KSNK			
3.3	Các kế hoạch, hoạt động nhằm đẩy mạnh công tác KSNK của CSYT			
VIII.	Liên kết với y tế công cộng và các dịch vụ khác			
1.	Liên kết giữa các dịch vụ y tế công và các cơ sở y tế			
1.1	Có sự liên kết giữa CSYT và các dịch vụ y tế công cộng đối với các sự cố bắt buộc phải báo cáo theo qui định	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.	Các sự cố liên quan tới y tế công cộng và CSYT bao gồm:			
2.1	Các vụ dịch y tế	0 điểm	1 điểm	2 điểm
2.2	Xuất hiện một tác nhân gây bệnh mới			
2.3	Mô hình kháng kháng sinh quan trọng			
2.4	Nhóm bệnh bất thường ở các nhân viên y tế			
3.	Kết nối với các dịch vụ khác			
3.1	Liên kết với các dịch vụ khác do Bộ Y tế cung cấp được qui định	0 điểm	1 điểm	2 điểm
3.3	Liên kết với các dịch vụ khác được qui định			
3.4	Liên kết với các cơ quan địa phương được hình thành			

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ KHÁM BỆNH. CHỮA BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)